

Bản án số: 795/2022/HS-PT
Ngày 21-10 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh
Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa
Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đám - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh S, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 482/2022/HSPT ngày 18 tháng 7 năm 2022. Do có kháng cáo của bị cáo Trương Thanh H, các bị hại Chiêm Phương T1, Chiêm Thị Phương T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Họ và tên: **Trương Thanh H**; Sinh năm 1964; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh S; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn L (chết) và bà Đặng Thị T (chết); Anh chị em ruột có 12 người, lớn nhất sinh năm 1948, nhỏ nhất sinh năm 1970; Có vợ là Lâm Thanh T và có 02 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 04-3-2021 cho đến nay (có mặt)

- Người bào chữa: Ông Trần Quốc D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt)

- Bị hại:

1. Bà Chiêm Phương T1; Sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (có mặt)

2. Bà Chiêm Thị Phương T; Sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số 310/27 A8, đường 30/4, phường H, quận N, thành phố C (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại Chiêm Phương T1, Chiêm Thị Phương T: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1987; Là Luật sư Công ty Luật hợp danh Đ- Chi nhánh S, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số 03, Nguyễn Thị M, Phường 3, thành phố S, tỉnh S (có mặt)

(Trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trương Thanh H, sinh năm 1964, nơi cư trú ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S và ông Chiêm Thành H, sinh năm 1933, nơi cư trú 109/1/4 Trần Quốc T, phường 6, thành phố S là người quen biết nhau.

Hộ gia đình của ông Chiêm Thành H do vợ ông là bà Trương Thị N đại diện đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 1360, tờ bản đồ số 6, diện tích 30.000m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện M (nay là huyện T), tỉnh S, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0436282. Năm 1999 bà Như chết nên ông H giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do không canh tác nên thời gian sau đã cho ông Vương Hữu H thuê. Đến cuối năm 2008 đầu năm 2009 ông H lấy lại cho H thuê thửa đất trên để canh tác và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H cất giữ, thỏa thuận giá thuê là 05 tạ lúa (tương đương 100kg)/1.000m²/năm (khoảng 400.000 đồng/công/năm). Từ khi giao đất cho H thuê, ông H nhiều lần đến nhà H để nhận tiền trong đó có 05 tờ biên nhận thể hiện ông H mượn tổng cộng 60.500.000 đồng, đến ngày 12/9/2011 thì H kêu ông H viết “Hợp đồng cầm cố đất” cho H với số tiền đã mượn, tuy nhiên trong hợp đồng lại ghi giá trị là 210 chỉ vàng 24K và H giữ, thực tế H không giao vàng như trong hợp đồng, thời gian sau ông H tiếp tục đến mượn tiền H nhớ là khoảng 14.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì, vì vậy H đã tự quy đổi và ghi thêm vào T1 khác của “Hợp đồng cầm cố đất” là ông H nhận thêm 15 chỉ vàng 24K, tổng cộng là 225 chỉ vàng 24K và đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho H đề ngày 06/02/2012 rồi đưa cho ông H ký, xong H cất giữ.

Đến khoảng tháng 3/2016 H nảy sinh ý định chiếm đoạt thửa đất trên nên đã thực hiện các thủ tục để sang tên cho mình, khi biết hợp đồng cầm cố đất không thể sang tên được, H từ bỏ ý định. Khoảng tháng 4/2019, do thấy ông H đã già, nếu ông H chết sẽ mất tiền đã cho mượn, nên H tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt quyền sử dụng đất của gia đình ông H. H đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng “Hợp đồng cầm cố đất” đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hỏi thủ tục sang tên, sau khi được hướng dẫn H kêu con ruột là Trương Thị Thanh C viết “Tờ chuyển nhượng đất ruộng” với nội dung: ông H chuyển

nhượng đất ruộng, diện tích 30.000 m² cho H, giá chuyển nhượng 225 chỉ vàng 24K, lùi ngày lập là 12/9/2011 cho phù hợp ngày với “Hợp đồng cầm cố đất”, kêu C ký giả chữ ký của ông H dưới mục người chuyển nhượng, sau đó H mang “Tờ chuyển nhượng đất ruộng” giả và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0436282 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T gặp ông Trần M, P là cán bộ của Chi nhánh hỏi thủ tục chuyển nhượng sang tên, khi thấy tờ chuyển nhượng đất ruộng đề ngày 12/9/2011 không đảm bảo nội dung, P hướng dẫn viết lại nên H đem về kêu C viết lại đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của P và mang cho 02 người hàng xóm là bà Lâm Thị C, Lâm Thị U ký chứng kiến, sau đó H nộp hồ sơ và yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập hồ sơ sang tên thửa đất. Trong quá trình chờ làm thủ tục sang tên, P đem Thông báo số 85/TB-CNVPĐK ngày 03/4/2019 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển cho ông H nhưng không gặp nên nhờ H chuyển dùm, H không chuyển cho ông H mà mang về cho C ký giả chữ ký ông H rồi giao lại cho P.

Ngày 10/6/2019, bị cáo H được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 755800, thửa đất 1360, tờ bản đồ số 6, diện tích 30.360m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S, đến ngày 03/10/2019 H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp tại Quỹ tín dụng huyện M để vay số tiền 250.000.000 đồng.

Đến tháng 8/2019, bà Chiêm Phương T1 là con của ông H phát hiện thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S trình báo.

Tại Kết luận giám định số 289/PC09-GĐ ngày 31/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, về giám định chữ ký ông Chiêm Thành H kết luận: Chữ ký màu xanh đen dưới mục “Người chuyển nhượng” mang tên Chiêm Thành H (Chồng) trong “Tờ chuyển nhượng đất ruộng”, ngày 12/9/2003 trên giấy ca rô; chữ ký mực màu xanh đen dưới mục “Người nhận” mang tên Chiêm Thành H (Chồng) trong “Biên nhận giao thông báo” số 82/BN-CNVPĐK, ngày 03/4/2019 trên giấy A4 so với chữ ký của Chiêm Thành H không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 21/PC09-GĐ ngày 03/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, về giám định chữ viết của Trương Thị Thanh C kết luận: Chữ viết mực màu xanh đen trong “Tờ chuyển nhượng đất ruộng”, ngày 12/9/2003 giấy carô so với chữ viết của Trương Thị Thanh C do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 234/PC09-GĐ ngày 15/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, về giám định chữ viết của Trần Minh P kết luận: Chữ viết mực màu xanh có nội dung *“tôi Chiêm Thành H có nhận thông báo của chi nhánh Văn phòng đăng ký thống nhất theo nội dung trong thông báo, diện tích theo hiện trạng tăng tôi đã chuyển nhượng hết thửa cho ông Trương Thanh H cam kết không kH nại hay tranh chấp về sau”*, trong “Biên nhận giao thông báo” số 82/BN-CNVPĐK, ngày 03/4/2019 so với chữ viết của Trần Minh P do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 40/PC09-GĐ ngày 16/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, về giám định chữ viết của Chiêm Thành H và Trương Thanh H kết luận: Chữ viết mực màu xanh đen ở T1 (1) từ dòng chữ “*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa V.N...*” đến dòng “*...làm hoàĩ*” và T1 (3) từ dòng chữ “*Hai bên cam kết thực hiện đúng...*” đến dòng “*B ngày 12/9/2011*” so với chữ viết của Chiêm Thành H trong do cùng một người viết ra; Chữ viết mực màu xanh đen ở T1 (2) từ dòng chữ “*Ghi chú...*” đến dòng “*...Chiêm Thành H*” đề ngày “*6.2.2012*” so với chữ viết của Trương Thanh H do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 215/PC09-GĐ ngày 08/7/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh S về giám định chữ viết bằng bút chì màu đen của Trần Minh P và Bùi Văn Minh kết luận: Chữ viết bằng bút chì màu đen “*cùng vợ bà Trương Thị Như; M; thửa 1360, tờ 06, diện tích; 2003*” ở dưới dòng “5, 6, 7, 11, 20” trong “*Tờ chuyển nhượng đất ruộng*”, đề ngày 12/9/2011 trên giấy đôi tập học sinh so với chữ viết của Trần Minh P do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2600/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh S kết luận: Thửa đất số 1360, tờ bản đồ số 6, địa chỉ ấp B, xã T, huyện M (nay là huyện T), tỉnh S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0436282, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 13/3/1995 cho hộ bà Trương Thị Như (sinh năm 1940, ngụ ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S), diện tích 30.000 m² đến tháng 6/2019 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 755800 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 10/6/2019 theo thủ tục đăng ký biến động đất đai (chuyển nhượng sang tên) của Trương Thanh H (sinh năm 1964, ngụ ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S), diện tích 30.360 m², có giá trị: 1.062.600.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSST-P2 ngày 27 tháng 10 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh S đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh S để xét xử đối với Trương Thanh H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh S đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Thanh H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Trương Thanh H 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-3-2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 22/6/2022, bị cáo Trương Thanh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 21/6/2022, bị hại bà Chiêm Phương T1 kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo H và khởi tố vụ án hình sự đối với bà Trương Thị Thanh C.

- Ngày 03/7/2022, bị hại bà Chiêm Thị Phương T kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo H và khởi tố vụ án hình sự đối với bà Trương Thị Thanh C.

- Ngày 06/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ bản án theo hướng hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Do đó, bị cáo H tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thanh H- Luật sư Trần Quốc D trình bày: Bị cáo H đã tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo nên Luật sư không có ý kiến.

Bị hại Chiêm Phương T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt tù đối với bị cáo H và khởi tố vụ án hình sự đối với bà Trương Thị Thanh C.

Bị hại Chiêm Thị Phương T thống nhất với lời trình bày của bà Chiêm Phương T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Chiêm Phương T1 và bà Chiêm Thị Phương T có Luật sư Trương Thị Mỹ L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị hại. Bị cáo H không hề sửa chữa bồi thường nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Bị cáo luôn luôn chối tội nên áp dụng thành khẩn khai báo là không phù hợp. Hành vi của bà C đã tạo điều kiện cho ông H chiếm đoạt tài sản. Bà C biết rõ sai mà vẫn làm, không hề ngăn cản. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt tù đối với bị cáo H và khởi tố vụ án hình sự đối với bà Trương Thị Thanh C.

Bị hại bà Chiêm Phương T1 và bà Chiêm Thị Phương T thống nhất với lời trình bày của Luật sư L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo H. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại vì việc tách vụ án là không cần thiết. Bà Trương Thị Thanh C có dấu hiệu đồng phạm nhưng bản án sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự là bỏ lọt tội phạm. Mặt khác, bà Cao Ngọc Huệ, ông Bùi Văn Minh là

cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai huyện M trực tiếp làm thủ tục sang tên cho bị cáo H nhưng Cơ quan điều tra tách ra là không phù hợp. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh S, Kiểm sát viên và Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp đối với cấp sơ thẩm.

[2]. Vào năm 2009, bị cáo Trương Thanh H được ông Chiêm Thành H cho thuê và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0436282, thửa đất số 1360, tờ bản đồ số 6, diện tích 30.000m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện M (nay là huyện T), tỉnh S do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ bà Trương Thị Như vào năm 1995, không có tài liệu thể hiện việc trả tiền thuê, sau khi nhiều lần cho ông H mượn tiền bị cáo kêu ông H viết “Hợp đồng cầm cố đất”, sau đó đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách làm giả “Tờ chuyển nhượng đất ruộng” để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo nhằm chiếm đoạt thửa đất, qua giám định thửa đất sau khi đo đạc và được cấp Giấy chứng nhận vào tháng 6/2019 có giá trị là 1.062.600.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 21/PC09-GĐ ngày 03/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, về giám định chữ viết của Trương Thị Thanh C kết luận: Chữ viết mực màu xanh đen trong “Tờ chuyển nhượng đất ruộng”, ngày 12/9/2003 giấy carô so với chữ viết của Trương Thị Thanh C do cùng một người viết ra (bút lục 387).

Tại Kết luận giám định số 234/PC09-GĐ ngày 15/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, về giám định chữ viết của Trần Minh P kết luận: Chữ viết mực màu xanh có nội dung “*tôi Chiêm Thành H có nhận thông báo của chi nhánh Văn phòng đăng ký thống nhất theo nội dung trong thông báo, diện tích theo hiện trạng tăng tôi đã chuyển nhượng hết thửa cho ông Trương Thanh H cam kết không kH nại hay tranh chấp về sau*”, trong “Biên nhận giao thông báo” số 82/BN-CNVPĐK, ngày 03/4/2019 so với chữ viết của Trần Minh P do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 40/PC09-GĐ ngày 16/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, về giám định chữ viết của Chiêm Thành H và Trương Thanh H kết luận: Chữ viết mực màu xanh đen ở T1 (1) từ dòng chữ

“*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa V.N...*” đến dòng “*...làm hoải*” và T1 (3) từ dòng chữ “*Hai bên cam kết thực hiện đúng...*” đến dòng “*B ngày 12/9/2011*” so với chữ viết của Chiêm Thành H trong do cùng một người viết ra; Chữ viết mực màu xanh đen ở T1 (2) từ dòng chữ “*Ghi chú...*” đến dòng “*...Chiêm Thành H*” đề ngày “*6.2.2012*” so với chữ viết của Trương Thanh H do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 215/PC09-GĐ ngày 08/7/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh S về giám định chữ viết bằng bút chì màu đen của Trần Minh P và Bùi Văn Minh kết luận: Chữ viết bằng bút chì màu đen “*cùng vợ bà Trương Thị Như; M; thửa 1360, tờ 06, diện tích; 2003*” ở dưới dòng “5, 6, 7, 11, 20” trong “*Tờ chuyển nhượng đất ruộng*”, đề ngày 12/9/2011 trên giấy đôi tập học sinh so với chữ viết của Trần Minh P do cùng một người viết ra.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Thanh H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp phạm tội “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3]. Đơn kháng cáo của bị cáo, của các bị hại là bà Chiêm Phương T1, bà Chiêm Thị Phương T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại tài sản hợp pháp của các bị hại một cách trái pháp luật và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5]. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, nếu không có sự giúp đỡ của bà Trương Thị Thanh C thì bị cáo H vẫn có thể hoàn thành việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại và bà C cũng không hưởng lợi gì từ bị cáo H và là quan hệ phụ thuộc cha con. Do đó, Cơ quan điều tra và cấp sơ thẩm không xử lý hành vi đồng phạm của bà Trương Thị Thanh C trong việc bị cáo Trương Thanh H chiếm đoạt tài sản của các bị hại là có cơ sở. Đồng thời, cấp sơ thẩm cho rằng hành vi của Trần Minh P có dấu hiệu của tội “*TH trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, Cơ quan điều tra đã khởi tố và tách thành vụ án riêng là có cơ sở. Đối với hành vi của bà Cao Thị Ngọc Huệ và ông Bùi Văn Minh chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cấp sơ thẩm không khởi tố điều tra, truy tố, xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thanh H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Thanh H đã tự nguyện rút toàn bộ

kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H.

[7]. Xét nội dung kháng cáo của các bị hại bà Chiêm Phương T1 và bà Chiêm Thị Phương T đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo H và khởi tố vụ án hình sự đối với bà Trương Thị Thanh C. Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của 02 bị hại về việc khởi tố vụ án hình sự đối với bà Trương Thị Thanh C là không phù hợp với các nhận định trên của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận. Riêng kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H: cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ như trong quá trình điều tra bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo; bị cáo đã thanh toán cho Quỹ tín dụng huyện M số tiền 250.000.000 đồng để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 755800 giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị hại; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị cáo có người thân là người có công với cách mạng được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 08 năm tù là chưa thỏa đáng, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo H.

[8]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại bà Chiêm Phương T1, bà Chiêm Thị Phương T, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[10]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trương Thanh H.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Chiêm Phương T1, bà Chiêm Thị Phương T.

Không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Thanh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trương Thanh H 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-3-2021.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thanh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- Công an tỉnh S;
- Sở Tư pháp tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Trại tạm giam công an tỉnh S;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh